

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 19/5/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Hoàng Thị Bạch	27/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt	
2	CNTT02	Đặng Văn Bình	19/12/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
3	CNTT03	Dương Văn Chí	14/11/1980	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
4	CNTT04	Dương Hữu Dũng	29/08/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt	
5	CNTT05	Dương Hữu Đăng	05/8/1972	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
6	CNTT06	Mông Trường Giang	28/10/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	Đạt	
7	CNTT07	Dương Hồng Hạnh	24/08/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	8,0	Đạt	
8	CNTT08	Dương Thị Hiên	18/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
9	CNTT09	Dương Văn Hợp	15/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
10	CNTT10	Hoàng Đình Huyện	13/08/1981	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	
11	CNTT11	Hoàng Đình Hưng	17/10/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt	
12	CNTT12	Nông Thị Hương	18/08/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
13	CNTT13	Hoàng Văn Mạnh	02/01/1978	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	Đạt	
14	CNTT14	Phạm Ngọc Minh	20/08/1973	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	
15	CNTT15	Bàn Văn Nảy	09/04/1983	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,7	6,5	Đạt	
16	CNTT16	Nguyễn Thị Nga	09/10/1982	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
17	CNTT17	Nguyễn Thị Phương	02/02/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT18	Lý Thị Phương	30/08/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
19	CNTT19	Hoàng Thị Tầm	14/11/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
20	CNTT20	Dương Văn Thành	17/11/1984	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
21	CNTT21	Vũ Thị Thảo	04/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
22	CNTT22	Lệnh Văn Thịnh	20/02/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt	
23	CNTT23	Lộc Xuân Toại	04/04/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt	
24	CNTT24	Hoàng Văn Tú	15/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
25	CNTT25	Dương Công Vinh	03/11/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	7,0	Đạt	
26	CNTT26	Hoàng Văn Vũ	23/11/1987	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,0	Đạt	
27	CNTT27	Dương Công Ba	04/01/1976	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
28	CNTT28	Dương Thị Hải Châu	01/04/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
29	CNTT29	Lộc Văn Chí	04/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,0	Đạt	
30	CNTT30	Dương Thị Dung	05/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt	
31	CNTT31	Hoàng Văn Duy	27/11/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
32	CNTT32	Hà Thị Duyên	29/08/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
33	CNTT33	Phạm Hồng Giang	23/01/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
34	CNTT34	Nông Thị Thu Hà	12/02/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	Đạt	
35	CNTT35	Hoàng Thị Hảo	18/09/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	
36	CNTT36	Hoàng Thị Hoa	15/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
37	CNTT37	Lê Thị Thu Hoài	23/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
38	CNTT38	Hoàng Văn Hồng	29/03/1967	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
39	CNTT39	Đường Thị Huyền	07/03/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
40	CNTT40	Dương Thị Linh	21/09/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
41	CNTT41	Triệu Quỳnh Luân	25/06/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,0	Đạt	
42	CNTT42	Nguyễn Thị Phương	20/12/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
43	CNTT43	Hoàng Thị Sim	06/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	7,5	Đạt	
44	CNTT44	Bùi Thị Thu	07/11/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
45	CNTT45	Hoàng Ngọc Thúy	29/02/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt	
46	CNTT46	Hoàng Minh Thùy	30/10/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
47	CNTT47	Lường Thị Trang	18/02/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt	
48	CNTT48	Ma Thị Yêu	20/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 48

Số thí sinh bỏ thi: 0

Số thí sinh dự thi: 48

Số thí sinh đạt yêu cầu: 48

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2020
THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nghiêm Xuân Đạt